

Vinh Lợi, ngày 02 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung Tâm Y tế huyện Vinh Lợi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư y tế năm 2024 - 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Vinh Lợi

- Địa chỉ liên hệ: Ấp xẻo chích, thị trấn Châu Hưng, huyện Vinh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, điện thoại 02913890114.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Lưu Thế Nhất, khoa Dược - TTB - VTYT, SĐT: 0916303067, địa chỉ gmail: khoaduoc.benhvien.vinhloi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

Nhận trực tiếp và qua gmail, như sau:

- Nhận trực tiếp (bản có chữ ký đóng dấu của nhà sản xuất, công ty...) tại địa chỉ: Ấp xẻo chích, thị trấn Châu Hưng, huyện Vinh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

- Nhận qua gmail (file Word hoặc Excel):
khoaduoc.benhvien.vinhloi@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 4 năm 2024 đến trước 16h 59 phút ngày 19 tháng 4 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu trên 90 ngày kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hóa chất, test xét nghiệm và vật tư y tế (phần còn lại chưa trúng thầu và bỏ sung), mô tả ngắn gọn hàng hóa theo Bảng sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	1. Hóa chất Máy Huyết học ABX		-		
1.1	Minidil	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	6	Thùng	
1.2	Miniclean	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	4	Chai	
1.3	Minilyse	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	4	Chai	
1.4	Minitrol 16 (N.H.L)	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	12	Hộp	
1.5	Minocclair	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt.	6	Chai	
2	2. Hóa chất Máy Huyết học TC Hexama 1000		-		
2.1	Cleanser (rửa máy huyết học)	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học TC Hexama 1000. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	6	Hộp	
2.2	Probe cleanser	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học TC Hexama 1000. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	6	Hộp	
2.3	CFllse	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học TC Hexama 1000, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt.	10	Chai	
2.4	Diluent	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học TC Hexama 1000, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	12	Thùng	
2.5	Rinse	Sử dụng được cho máy phân tích huyết học TC Hexama 1000. kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành. lắp đặt.	6	Thùng	
3	3. Hóa chất Máy Sinh hóa TC - Matric		-		
3.1	ALT/SGPT	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	7	Hộp	
3.2	Amylase	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn.	1	Hộp	

		Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng			
3.3	AST/SGOT	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	7	Hộp	
3.4	Bilirubin Direct	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.5	Bilirubin Total	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.6	Cholesterol Total	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
3.7	Creatinine	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	7	Hộp	
3.8	Creatinine kinase	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
3.9	CRP Thuốc thử Turbi (kèm Calib)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.10	Glucose Liquid Oxidase	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
3.11	HbA1c Calibrator	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.12	HbA1c Thuốc thử TC	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
3.13	HDL-Cholesterol TC	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
3.14	Iron Total	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.15	LDH 150ml (LD liquid)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn.	2	Hộp	

		Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng			
3.16	LDL - Cholesterol TC	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
3.17	Level 1 Control sinh hóa	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	8	Hộp	
3.18	Level 2 Control sinh hóa	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	8	Hộp	
3.19	Mẫu ngoại kiểm sinh hóa	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
3.20	Protein Total	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.21	Triglycerides	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
3.22	Urea	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	7	Hộp	
3.23	Xét nghiệm Acid Uric	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.24	Xét nghiệm Albumin	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.25	Chất kiểm chứng mức 1 Alcohol, Ammoniac, CO2	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.26	Chất kiểm chứng mức 2 Alcohol, Ammoniac, CO2	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
3.27	Xét nghiệm Cồn trong máu (<i>Ethanol</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa TC Matric, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	4	Hộp	
4	4. Hóa chất Máy Sinh hóa Cobas C311		-		

4.1	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và công phản ứng	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	40	Hộp	
4.2	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và công phản ứng SMS	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.3	Dung dịch rửa có tính kiểm cho công phản ứng	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	36	Hộp	
4.4	Bộ công đo phản ứng sinh hóa C311	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	4	Hộp	
4.5	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO ₂	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.7	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.10	Đèn halogen dùng cho các xét nghiệm sinh hóa (<i>Halogen Lamp</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	6	Cái	
4.11	Dung dịch rửa có tính acid cho công phản ứng	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.12	Dung dịch pha loãng xét nghiệm sinh hóa	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.13	Dung dịch tiền xử lý xét nghiệm HbA1c (<i>chất hiệu chỉnh xét nghiệm HbA1c</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.14	Dung dịch vệ sinh điện cực chọn lọc ion, cốc pha loãng và ống	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	

4.15	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa (<i>thuốc thử ly giải xét nghiệm HbA1c</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.16	Dung dịch rửa NaOH cho kim hút mẫu (<i>IVD rửa kim hút cho máy sinh hóa 1</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.17	IVD rửa kim hút cho máy sinh hóa 2	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.18	IVD rửa máy phân tích miễn dịch, máy phân tích tế bào dòng chảy	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.19	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.20	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.21	Thuốc thử xét nghiệm amylase	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.22	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.23	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.24	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
4.25	Thuốc thử xét nghiệm CK	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.27	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin CREAJ	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	12	Hộp	
4.28	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	

4.30	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
4.31	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.32	Thuốc thử xét nghiệm GGT	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.33	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	10	Hộp	
4.34	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	14	Hộp	
4.35	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	14	Hộp	
4.36	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	7	Hộp	
4.37	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	8	Hộp	
4.38	Thuốc thử xét nghiệm lactate dehydrogenase	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.39	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	10	Hộp	
4.40	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	1	Hộp	
4.41	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	9	Hộp	
4.42	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	14	Hộp	

4.43	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2, Abnormal	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.44	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2, Normal	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	3	Hộp	
4.45	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CRP	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.46	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HbA1c Normal	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.47	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HbA1c Path (<i>vật liệu kiểm soát xét nghiệm HbA1c ngưỡng bệnh lý</i>)	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
4.48	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 1	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
4.49	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 2	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	5	Hộp	
4.50	Vật tư tiêu hao là chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống phân tích sinh hóa.	Sử dụng được cho máy phân tích sinh hóa Cobas C311, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	40	Hộp	
5	5. Hóa chất Máy ion đồ 3 thông số Easylyte		-		
5.1	Easylyte Na/K/Cl Solution Pack (<i>có kèm Calib</i>)	Sử dụng được cho máy Ion đồ 3 thông số Easylyte, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	14	Hộp	
5.2	Nước rửa Ion đồ 3 thông số (Daily Rinse kit)	Sử dụng được cho máy Ion đồ 3 thông số Easylyte, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	2	Hộp	
5.3	Quality Control	Sử dụng được cho máy Ion đồ 3 thông số Easylyte, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	8	Hộp	
6	6. Hóa chất Máy ion đồ 4 thông số IoNex		-		
6.1	Calibrator 1	Sử dụng được cho máy Ion đồ 4 thông số IoNex, kết quả đúng chuẩn. Hướng	4	Túi	

		dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng			
6.2	Calibrator 2	Sử dụng được cho máy Ion đồ 4 thông số IoNex, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	8	Túi	
6.3	ISE Cleaner 2	Sử dụng được cho máy Ion đồ 4 thông số IoNex, kết quả đúng chuẩn. Hướng dẫn vận hành, lắp đặt. Chăm sóc bảo dưỡng máy tại đơn vị sử dụng	6	Lọ	
7	7. Hóa chất thử nhóm máu		-		
7.1	Anti A	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Lọ	
7.2	Anti B	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Lọ	
7.3	Anti AB	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Lọ	
7.4	Anti D	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Lọ	
8	Acid acetic 3%	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Chai	
9	Alcool 90 ^o	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Lít	
10	Bộ nhuộm (<i>Phát hiện vi trùng Lao trong mẫu đàm</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	12	Bộ	
11	Chlorhexidine gluconate 0.5%, Ethanol 70%, chất bảo vệ, dưỡng da, vitamin (<i>nếu có</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	40	Chai	
12	Cloramin B (<i>Clor hoạt tính 25%</i>) bột	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	12	Kg	
13	Dầu Parafin	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Chai	
14	Dầu soi Kính hiển vi	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1	Chai	
15	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Ortho-phthalaldehyde 0.55%	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Can	
16	Dung dịch tẩy rửa protease enzyme 5%	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Can	
17	Gel siêu âm	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Lít	
18	Giemsa	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1	Chai	
19	Lugol 3%	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	ml	
20	Natri Troclosene 50.0% (<i>Natri Dichloroisocyanutrale</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	6.000	Viên	

21	Ngoại kiểm huyết học	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	4	Hộp	
22	Sáp parafin	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	50	Kg	
23	Que thử đường huyết mao mạch (<i>que dùng cho máy đo đường huyết cá nhân</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	29.000	Test	
24	Test Dengue (<i>Sốt xuất huyết IgG/IgM</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	450	Test	
25	Test Anti HBs (<i>định tính Anti-HBs</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	500	Test	
26	Test Dengue NS1	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Test	
27	Test HBsAg (<i>que thử HBsAg</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Test	
28	Test HBsAg (<i>que thử HBsAg</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Test	
29	Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày do HP bằng phương pháp C.L.O.test	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	250	Test	
30	Test Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2 (<i>test nhanh chẩn đoán HIV</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	750	Test	
31	Test thử nước tiểu 10 thông số	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (<i>máy Clitek - Siemens, máy đóng</i>)	1.900	Test	
32	Test thử nước tiểu 11 thông số	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (<i>máy TC - 720 Plus, Teco Diagnostics</i>)	1.800	Test	
33	Test Troponin I	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	900	Test	
34	Test xét nghiệm định tính chẩn đoán nhanh 04 chất gây nghiện: Thuốc phiện, thuốc Lắc, Ma túy đá, bồ đề (<i>MOP-MDMA-MET-THC</i>)	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Test	
35	Test xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Test	
36	Test xét nghiệm máu phát hiện vi khuẩn H.pylori	Đúng thành phần, Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Test	
37	Airway (<i>Canuyn</i>) (<i>dùng cụ chẩn lười tạo đường thở</i>) nhỏ	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
38	Airway (<i>Canuyn</i>) (<i>dùng cụ chẩn lười tạo đường thở</i>) lớn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	

39	Airway (Cảm ứng) (dùng cụ chặn lưỡi tạo đường thở) sơ sinh	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
40	Băng bó bột cổ định gãy xương (kích thước: 15cm x 2.7m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cuộn	
41	Băng bó bột cổ định gãy xương kích thước: 10cm x 2.7m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cuộn	
42	Băng bột bó cổ định gãy xương (kích thước: 7.5cm x 2.7m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cuộn	
43	Băng chỉ thị nhiệt (giấy chỉ thị nhiệt)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cuộn	
44	Băng cuộn co giãn (Băng thun có keo) (kích thước: 8cm x 2.7m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cuộn	
45	Băng cuộn y tế (kích thước: 7cm x 2.5m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	4.000	Cuộn	
46	Băng dính cá nhân (kích thước 20mm x 60mm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60.000	Miếng	
47	Băng keo cuộn lụa (kích thước: 2.5cm x 9.1m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	3.000	Cuộn	
48	Băng thun 3 móc (băng thun) (kích thước: 10cm x 4.5cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	500	Cuộn	
49	Bao cao su	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Cái	
50	Bo (huyết áp kể người lớn)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	cái	
51	Bộ kẹp chi (máy điện tim 6 cần)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Bộ	
52	Bộ Mark xông khí dung (các cỡ, số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Cái	
53	Bộ nẹp gỗ cổ định gãy xương (các cỡ, các số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Bộ	
54	Bơm tiêm 1ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	2.000	Ống	
55	Bơm tiêm Insulin 100IU/1ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30.000	Cây	
56	Bơm tiêm Insulin 40IU/1ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10.000	Cây	
57	Bơm tiêm 3ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.500	Ống	
58	Bơm tiêm 5ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	50.000	Ống	
59	Bơm tiêm 10ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	12.000	Ống	
60	Bơm tiêm 20ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	7.000	Ống	
61	Bơm tiêm 50 ml (dùng)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo	1.500	Cây	

	<i>cho máy bơm tiêm điện)</i>	quy định			
62	Bơm cho ăn 50 ml	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Cây	
63	Bóng đèn hồng ngoại	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
64	Bóp bóng (<i>Ampu giúp thở</i>) người lớn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
65	Bóp bóng (<i>Ampu giúp thở</i>) trẻ em	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	40	Cái	
66	Cân sức khỏe (<i>có thước đo chiều cao</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
67	Chi Chromic (<i>số: 2/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Tép	
68	Chi Chromic (<i>số: 3/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Tép	
69	Chi Chromic (<i>số: 3/0 không kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	300	Tép	
70	Chi Chromic (<i>số: 4/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Tép	
71	Chi Chromic (<i>số: 5/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Tép	
72	Chi Nylon (<i>số: 2/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	400	Tép	
73	Chi Nylon (<i>số: 3/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Tép	
74	Chi Nylon (<i>số: 4/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	400	Tép	
75	Chi Polyglactin (<i>số: 2/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	120	Tép	
76	Chi Polylactin (<i>số: 3/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	120	Tép	
77	Chi Polylactin (<i>số: 4/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	120	Tép	
78	Chi silk (<i>số: 2/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Tép	
79	Chi silk (<i>số: 3/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Tép	
80	Chi silk (<i>số: 4/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Tép	
81	Chi silk (<i>số: 5/0 có kim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Tép	
82	Cuvett (<i>Sử dụng cho máy TC matric</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa TC Matric	30.000	Lô	
83	Đai xương đoàn (<i>số 3</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Cái	
84	Đai xương đoàn (<i>số 5</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
85	Đai xương đoàn (<i>số 8</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
86	Dây cho ăn (<i>Son dạ dày</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo	30	Sợi	

	(số 10)	quy định			
87	Dây cho ăn (Sơn dạ dày) (số 12)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Sợi	
88	Dây cho ăn (Sơn dạ dày) (số 8)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Sợi	
89	Dây dẫn cổ định miếng điện xung (kích thước 50 x 5cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Dây	
90	Dây garo (dây thắt mạch)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	300	Sợi	
91	Dây hút đàm (số 10)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
92	Dây hút đàm (số 15)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
93	Dây hút đàm (số 16)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Sợi	
94	Dây hút đàm (số 8)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
95	Dây máy châm cứu (điện châm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cái	
96	Dây nối bơm tiêm điện (kích thước 140cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	300	Sợi	
97	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	2.000	Sợi	
98	Dây thở oxy 2 nhánh nhi	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	300	Sợi	
99	Dây truyền dịch các cỡ (có kim)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	12.000	Bộ	
100	Đề lưỡi (gỗ)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	12.000	Que	
101	Đèn hồng ngoại (bao gồm 1 bóng)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	15	Cây	
102	Đèn tử ngoại (bao gồm 2 bóng 1.2m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (loại có remote hoặc dụng cụ điều khiển bên ngoài phòng chiếu)	2	Cây	
103	Gạc mét y tế (gạc hút) (khô 0.8m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5.000	Mét	
104	Gạc Vaseline	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Miếng	
105	Gạc y tế vô trùng (kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	4.500	Miếng	
106	Gạc y tế vô trùng (kích thước: 5cm x 6cm x 8 lớp)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Miếng	
107	Găng tay dài (găng tay sản khoa)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Đôi	
108	Găng tay tiết trùng (số 6.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5.000	Đôi	
109	Găng tay tiết trùng (số 7.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Đôi	

110	Găng tay tiệt trùng (số 7.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.500	Đôi	
111	Găng tay y tế không bột Tale (găng tay khám) (các cỡ, số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20.000	Đôi	
112	Găng tay y tế bột Tale (găng tay khám) (các cỡ, số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60.000	Đôi	
113	Giấy điện tim 3 cần (giấy điện tim) (kích thước: 58mm x 20m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cuộn	
114	Giấy điện tim 3 cần (giấy điện tim) (kích thước: 80mm x 20m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cuộn	
115	Giấy điện tim 6 cần (kích thước: 110mm x 140mm x 200 tờ)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Xấp	
116	Giấy in nhiệt (giấy in cho máy huyết học, sinh hóa...) (kích thước: 57mm x 20mm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60	Cuộn	
117	Giấy in nhiệt (giấy in cho máy monitor, sinh hóa...) (kích thước: 50mm x 20mm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	50	Cuộn	
118	Giấy Y tế (các cỡ, số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Kg	
119	Gòn (Bông y tế) không thấm nước	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Kg	
120	Gòn (Bông y tế) thấm nước	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	400	Kg	
121	Gòn viên tiệt trùng (kích thước: phi 2-2,5cm x 2-2,5 cm hoặc tương đương)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Kg	
122	Huyết áp điện tử	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
123	Huyết áp kế người lớn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	50	Cái	
124	Huyết áp kế nhi	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
125	Kẹp rôn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Cây	
126	Khẩu trang y tế (≥ 4 lớp)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60.000	Cái	
127	Khẩu trang y tế (màng than hoạt)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	3.000	Cái	
128	Khóa 3 chạc (khóa 3 ngã không dây)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Cái	
129	Kim châm cứu số vô trùng (các cỡ, các số)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	550.000	Cây	

130	Kim luân tĩnh mạch (số 16G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	200	Cây	
131	Kim luân tĩnh mạch (số 20G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Cây	
132	Kim luân tĩnh mạch (số 24G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.500	Cây	
133	Kim luân tĩnh mạch (số 26G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Cây	
134	Kim nha (số 27G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Cây	
135	Kim rút thuốc (kim sặc thuốc) (số 18G)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	22.000	Cây	
136	Kim thử đường huyết (kim lấy máu)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	32.000	Cây	
137	Kim tiêm vô trùng (số 23)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	40.000	Cây	
138	Lam kính có dầu nhám (Lam kính xét nghiệm 7105)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Hộp	
139	Lam kính trơn (Lam kính xét nghiệm 7102)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	550	Hộp	
140	Lammen xét nghiệm 22x22	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Cái	
141	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm (đảm...)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5.000	Cái	
142	Lọ nước tiểu (lọ đựng bệnh phẩm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	8.000	Cái	
143	Lỗi lọc than (máy lọc nước Ro)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (sử dụng cho thiết bị lọc nước RO TPN-50Eco-461 50 lít)	3	Cái	
144	Lỗi lọc tinh (máy lọc nước Ro)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (sử dụng cho thiết bị lọc nước RO TPN-50Eco-461 50 lít)	6	Cái	
145	Lỗi lọc trắng (máy lọc nước Ro)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (sử dụng cho thiết bị lọc nước RO TPN-50Eco-461 50 lít)	60	Cái	
146	Lưỡi dao (số 11)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Cái	
147	Lưỡi dao (số 15)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.200	Cái	
148	Lưỡi dao (số 21)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Cái	
149	Mask thở oxy lớn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	100	Cái	
150	Mask thở oxy nhỏ	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	40	Cái	
151	Mask thở oxy lớn có túi	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
152	Mask thở oxy nhỏ có túi	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
153	Máy châm cứu (điện)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo	30	Cái	

	châm)	quy định			
154	Miếng dán điện cực (<i>điện cực tim</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Miếng	
155	Nẹp cổ cứng (số 1)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
156	Nẹp cổ cứng (số 2)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Cái	
157	Nẹp gỗ dài 140cm	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cây	
158	Nhiệt kế thủy ngân	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Cây	
159	Núm cao su (<i>máy điện tim 6 cần</i>) (6 núm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	10	Bộ	
160	Nút chặn đuôi kim luồn	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	600	Cái	
161	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 2.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
162	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 3.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
163	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 6.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
164	Ống (<i>dây</i>) hút dịch (<i>đảm các cơ</i>)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	120	Sợi	
165	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 2.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
166	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 3.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
167	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 4.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
168	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 4.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
169	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 5.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
170	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 5.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Cái	
171	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 6.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Cái	
172	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 7.0)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60	Cái	
173	Ống (<i>dây</i>) thông nội khí quản (số 7.5)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	120	Cái	
174	Ống (<i>dây</i>) thông tiêu (số 16)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	60	Ống	
175	Ống (<i>dây</i>) thông tiêu (số 8)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Ống	
176	Ống (<i>dây</i>) thông tiêu 2 nhánh (số 16)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	160	Ống	
177	Ống (<i>dây</i>) thông tiêu nhi 2 nhánh	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Ống	
178	Ống (<i>dây</i>) thông tiêu tiêu (số 10)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	Ống	

179	Ống (dây) thông tiêu tiêu 2 nhánh (số 8)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Ống	
180	Ống (dây) thông tiêu tiêu 2 nhánh (số 10)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	30	Ống	
181	Ống nghe	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	50	Cái	
182	Oxy y tế	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	400	Bình chứa $\geq 6m^3$ khí Oxy y tế	
183	Phim X-Quang kỹ thuật số (20 x 25 cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	2.300	Tấm	
184	Phim X-Quang kỹ thuật số (26 x 36 cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	3.000	Tấm	
185	Que lấy bệnh phẩm (que gỗ lấy mẫu xét nghiệm) vô trùng	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	2.000	Gói	
186	Que tăm bông vô trùng từng cây (kích thước cỡ 20cm)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định (để lấy dịch âm đạo)	1.000	Que	
187	Tạp dề (kích thước: 1,1m x 1,2m)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	150	Cái	
188	Tube (ống nghiệm) heparin	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	8.000	Tube	
189	Tube (ống nghiệm) nắp xanh EDTA K2 (2ml)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	8.000	Tube	
190	Tube (ống nghiệm) nhựa có nắp (5ml)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	500	Tube	
191	Tube (ống nghiệm) serum (2ml)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.500	Tube	
192	Tube đựng huyết thanh có nắp	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	3.000	Cái	
193	Tube HCT	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	1.000	Ống	
194	Túi đựng nước tiểu	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	250	Cái	
195	Túi máu sản	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	20	túi	
196	Vòng đếm lớn (máy ion đồ 4 thông số Ionex)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	5	Cái	
197	Vòng đếm nhỏ (máy ion đồ 4 thông số Ionex)	Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	2	Cái	
	Tổng cộng: 197 Phần/ 287 mặt hàng				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư y tế:

Khoa Dược - TTB - VTYT (lần 2), Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi (Áp xéo chính, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu).

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Tiến độ cung cấp theo dự trù của các cơ sở khám chữa bệnh, cung cấp chậm nhất 7 ngày kể từ khi nhận được dự trù (*trường hợp dự trù đột xuất phục vụ cấp cứu phải cung cấp ngay (không quá 36 giờ)*). Cơ sở xác định mốc thời gian đặt hàng của bên mời thầu là thời điểm gọi điện hoặc gửi gmail.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các chứng từ để thanh toán theo quy định

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Ghi chú:

(1) Trường hợp đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để đăng tải Yêu cầu báo giá.

Việc điền các thông tin trong Yêu cầu báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Yêu cầu báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư phải đính kèm theo file “Bảng mô tả”, trong đó phải nêu đầy đủ các thông tin để nhà thầu làm cơ sở báo giá như mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia triển khai được tính năng gửi và nhận yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thì hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư (không gửi báo giá theo các cách thức nêu tại khoản 3 Mục I của Mẫu này); sau thời hạn tiếp nhận báo giá, hãng sản xuất, nhà cung cấp không thể gửi được báo giá lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nội dung tại khoản 3 Mục I của Mẫu này được chỉnh sửa như sau:

“3. Cách thức tiếp nhận báo giá: hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Các báo giá gửi theo đường bưu điện, Fax, email hoặc các cách thức khác sẽ không được xem xét”.

Kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá. Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để lấy thông tin báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải hoặc gửi yêu cầu báo giá. Ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá không được trùng với ngày nghỉ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Trên đây là yêu cầu báo giá rất mong nhận được sự ủng hộ của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD(N).

GIÁM ĐỐC



Kết thúc thời hạn tiếp nhận báo giá, Chủ đầu tư đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu để lấy thông tin báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

(2) Thời gian tiếp nhận báo giá tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải hoặc gửi yêu cầu báo giá. Ngày cuối cùng tiếp nhận báo giá không được trùng với ngày nghỉ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Trên đây là yêu cầu báo giá rất mong nhận được sự ủng hộ của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD(N).



GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Huỳnh Vũ Phong



Mẫu báo giá

Ap dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi (Chủ đầu tư)

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp: trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Hàng hóa 1									
2	Hàng hóa 2									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chung

loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có), Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

